

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 11/2020/GĐT-KDTM

Ngày 04/9/2020

Vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với Hội đồng xét xử giám đốc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm và ông Phạm Việt Cường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Quang Hưng – Thẩm tra viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ;
Địa chỉ: Tháp B số H, Phường L, quận H, thành phố Hà Nội.
- 2. Bị đơn:** Ông Lê Viết Ch - Chủ doanh nghiệp tư nhân Ph;
Địa chỉ: T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
- 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Hồ Thị H;
Địa chỉ: T, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN THẤY

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1061129/HĐTD ngày 01/01/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1061129/HĐTD ngày 15/3/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Nam Gia Lai (sau đây viết tắt là Ngân hàng Đ) cấp cho bên vay là ông Lê Viết Ch - Chủ doanh nghiệp tư nhân Ph hạn mức vay thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng) gồm cả tiền Việt Nam và ngoại tệ quy đổi. Mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh lưu động (kinh doanh nông sản), lãi suất xác định theo các hợp đồng tín dụng cụ thể đã ký.

Quá trình sử dụng vốn vay, ông Lê Viết Ch không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi, Ngân hàng Đ đã nhiều lần gửi các văn bản thông báo nợ đến hạn, quá hạn và xử lý nợ quá hạn nhưng ông Ch không hợp tác.

Nay, Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Viết Ch - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Ph phải thanh toán cho Ngân hàng Đ tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng số 08.01/2017/1061129/HĐTD ngày 05/10/2017, hợp đồng tín dụng số 09.01/2017/1061129/HĐTD ngày 17/10/2017, hợp đồng tín dụng số 10.01/2017/1061129/HĐTD ngày 01/11/2017, hợp đồng tín dụng số 11.01/2017/1061129/HĐTD ngày 06/11/2017 với tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/6/2019 là 5.870.631,28 USD (quy đổi theo tỷ giá ngày 28/6/2019 là 23.335 VND/USD), tạm tính tương đương 136.991.180.919 đồng (Một trăm ba mươi sáu tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, một trăm tám mươi nghìn, chín trăm mười chín đồng), trong đó: nợ gốc: 5.532.580 USD, tạm tính tương đương 129.102.754.300 đồng, nợ lãi đến ngày 28/6/2019: 338.051,28 USD, tạm tính tương đương 7.888.426.619 đồng và toàn bộ tiền lãi, lãi phạt, phí phạt phát sinh cho đến thời điểm ông Lê Viết Ch hoàn tất mọi nghĩa vụ đối với Ngân hàng Đ.

Trường hợp ông Lê Viết Ch không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng Đ có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay.

- Bị đơn là ông Lê Viết Ch - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Ph trình bày:

Doanh nghiệp tư nhân Ph và Ngân hàng Đ là đối tác làm ăn lâu năm; đối với toàn bộ các Hợp đồng tín dụng mà Ngân hàng Đ yêu cầu Ông thanh toán nợ nêu trên, trên thực tế Doanh nghiệp tư nhân Ph đã dùng toàn bộ sản lát chứa trong kho của Doanh nghiệp tư nhân Ph tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai có giá thị trường tại thời điểm là 106.238.126.000 đồng tương đương 4.729.056,58 USD để thế chấp cho Ngân hàng Đ bảo đảm cho các khoản vay nêu trên.

Đối với số tiền nợ gốc do Ngân hàng Đ khởi kiện là chính xác, Ông không có ý kiến gì về việc tính tiền lãi của Ngân hàng. Toàn bộ các tài sản gia đình Ông thế chấp cho Ngân hàng từ năm 2006 đến nay để mua bán hàng nông sản. Còn số tiền vay Ông mua một kho hàng đã giao cho Ngân hàng cầm cố, Ngân hàng giữ tài sản của Ông trong kho nhưng hiện nay kho đã bị cháy hoàn toàn không có hàng để bán hàng cho khách hàng nước ngoài lấy tiền đô la Mỹ trả nợ cho Ngân hàng.

Hiện nay doanh nghiệp tư nhân Ph đang khởi kiện Ngân hàng Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại do vụ cháy kho hàng của doanh nghiệp tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Đề nghị Tòa án nhập hai vụ án vào cùng giải quyết trong một vụ án để Doanh nghiệp tư nhân Ph có nguồn tiền trả nợ cho Ngân hàng Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của chồng bà là ông Lê Viết Ch và không có ý kiến trình bày bổ sung.

- Tại Bản án Kinh doanh-thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 03/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai quyết định:

- Áp dụng Điều 275, 280, 297, 319, 385, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 70, 91, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

1. Buộc ông Lê Viết Ch phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ thông qua Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ Nam Gia Lai số tiền là: 5.870.631,28 USD (quy đổi theo tỷ giá ngày 28/6/2019 là 23.335 VND/USD), tạm tính tương đương 136.991.180.919 đ (Một trăm ba mươi sáu tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, một trăm tám mươi nghìn, chín trăm mười chín đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 5.532.580 USD, tạm tính tương đương 129.102.754.300 đ.

+ Nợ lãi đến ngày 28/6/2019: 338.051,28 USD, tạm tính tương đương 7.888.426.619 đ.

2. Trường hợp bị đơn không thanh toán hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật tại các hợp đồng thế chấp gồm:

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2012/HĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2012.

Hợp đồng thế chấp số 03/2017/1061129/HĐBĐ ngày 24/10/2017.

Hợp đồng thế chấp số 03/2017/1061 129/HĐBĐ ngày 15/11/2017.

Hợp đồng thế chấp số 01/2017/1061129/HĐBĐ ngày 01/11/2017.

Hợp đồng thế chấp số 01/2015/1061129/HĐTC ngày 18/9/2015, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/10611129/SĐBS ngày 15/3/2017.

Hợp đồng thế chấp số 05/2017/1061129/HĐBĐ ngày 15/11/2017, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2017/1061129/SĐBS ngày 03/02/2018.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ngày 14/4/2011, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/1061129/SĐBS ngày 02/10/2017.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2011/HĐ ngày 16/11/2011, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/1061129/SĐBS ngày 02/10/2017.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2017/1061129/HĐBĐ ngày 15/11/2017.

Hợp đồng thế chấp số 03/2011/HĐ ngày 22/4/2011, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/1061 129/SĐBS ngày 17/10/2017.

Hợp đồng thế chấp số 02/2017/1061129/HĐBĐ ngày 01/11/2017.

3. Ngân hàng TMCP Đ thông qua Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ- Nam Gia Lai có nghĩa vụ xóa thế chấp, trả cho ông Lê Viết Ch và bà Hồ Thị H các giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và các giấy tờ hồ sơ chứng minh quyền sở hữu tài sản thế chấp đã giao cho Ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp nêu trên.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Ngày 13/7/2019, bị đơn ông Lê Văn Ch - Chủ doanh nghiệp tư nhân Ph có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại số 01/2020/QĐ-PT ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai nhận định: *Người kháng cáo được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên bị coi như từ bỏ việc kháng cáo theo qui định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

Từ đó, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2019/TLPT-KDTM ngày 13/8/2019 và giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Ngày 18/02/2020, bị đơn là ông Lê Viết Chín-Chủ doanh nghiệp tư nhân Ph có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với quyết định phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 61/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 23/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại số 01/2020/QĐ-PT ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, giao hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm lại, với nhận định:

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm mở lần 2, ông Lê Viết Ch, bà Hồ Thị H vắng mặt không có lý do thì Tòa án cấp phúc thẩm ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm theo qui định tại khoản 3, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn (ông Lê Viết Ch) là ông Nguyễn Duy Ng. Do đó, phiên tòa phúc thẩm mở lần 3 ông Lê Viết Ch, bà Hồ Thị H vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa vì sự kiện bất khả kháng, có lý do chính đáng (ông Lê Viết Ch đang ở nước ngoài, bà Hồ Thị H bị bệnh) thì Hội đồng xét xử phải xem xét lý do xin hoãn phiên tòa của ông Ch và bà H có thuộc trường hợp qui định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự hay không để từ đó mới quyết định việc đình chỉ xét xử phúc thẩm và cho rằng ông Ch, bà H từ bỏ quyền kháng cáo của mình. Việc quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm của Hội đồng xét xử là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp đối với ông Lê Viết Ch, bà Hồ Thị H, làm mất đi quyền kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tài liệu do ông Ch cung cấp theo Biên bản làm việc ngày 13/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng với ông Lê Viết Ch thì thấy: Hộ chiếu của ông Lê Viết Ch thể hiện ngày 26/11/2019 ông Ch từ Việt Nam đi công tác đến Mỹ vào ngày 27/11/2019 và lưu trú tại Mỹ đến ngày 20/12/2019 mới trở về Việt Nam, do đó phiên tòa phúc thẩm mở ngày 17/12/2019 ông Ch không có mặt tại Việt Nam nên không tham gia phiên tòa là có căn cứ vì đây là lý do chính đáng và do trở ngại khách quan chứ không phải ông Ch cố tình không đến tham gia phiên tòa. Tòa án

cấp phúc thẩm nhận định không chấp nhận đơn xin hoãn phiên tòa của ông Ch là vi phạm qui định tại các Điều 93; Điều 97; Điều 98; khoản 3, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự.

Ngày 6/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Công văn số 705/VKS-V3 yêu cầu Trung tâm y tế Tp P xác minh và cung cấp tài liệu chứng cứ. Trung tâm y tế Tp. P ban hành Công văn số 52/TTYT-KHNV ngày 11/5/2020 trả lời có nội dung: “bà H bị bệnh rối loạn tiền đình, nhiễm trùng đường ruột, nhập viện ngày 16/12/2019, ra viện ngày 18/12/2019” (kèm hồ sơ bệnh án bản sao của Trung tâm y tế thành phố P). Bà H là vợ ông Lê Viết Ch, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trực tiếp trong vụ án bởi Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc nghĩa vụ trả nợ đối với ông Lê Viết Ch thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, việc Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai chưa thẩm tra, xác minh làm rõ lý do xin hoãn phiên tòa của bà H có thuộc trường hợp lý do chính đáng hay do trở ngại khách quan hay không để từ đó mới xem xét việc đình chỉ xét xử phúc thẩm là vi phạm qui định tại các Điều 93; Điều 97; Điều 98; khoản 3, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự.

Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại số 01/2019/QĐ-PT ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai tại phần xét thấy cho rằng “Người kháng cáo được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên bị coi như từ bỏ việc kháng cáo theo qui định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự” là không có cơ sở, trái qui định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Viết Ch và bà Hồ Thị H.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

XÉT THẤY

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 8/11/2019, người kháng cáo ông Lê Viết Ch có đơn xin hoãn phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Viết Ch là ông Nguyễn Duy Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H vắng mặt không có lý do.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 28/11/2019, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Viết Ch là ông Nguyễn Duy Ng có đơn xin hoãn phiên tòa, người kháng cáo là ông Lê Viết Ch và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H vắng mặt không có lý do.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 17/12/2019, người kháng cáo là ông Lê Viết Ch tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đi nước ngoài; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do nhập viện.

[4] Lẽ ra, tại phiên tòa xét xử phúc thẩm mở lần 2, ông Lê Viết Chín, bà Hồ Thị H vắng mặt không có lý do chính đáng thì Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm theo qui định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án hoãn các phiên tòa xét xử phúc thẩm mở lần 1 và lần 2 đều do

đương sự đề nghị hoãn phiên tòa hoặc vắng mặt, do đó tại phiên tòa phúc thẩm mở lần 3, người kháng cáo là ông Lê Viết Ch tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đi nước ngoài không thể xem là thuộc trường hợp người kháng cáo vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan để tiếp tục hoãn phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do nhập viện nhưng bà Hồ Thị H không phải là người kháng cáo.

[5] Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định người kháng cáo là ông Lê Viết Ch được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên bị coi là từ bỏ việc kháng cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, từ đó đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án và giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm là phù hợp với các Điều 289, Điều 295, Điều 296, Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm mở lần 3, người kháng cáo là ông Lê Viết Ch tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do đi nước ngoài và bà Hồ Thị H có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do nhập viện thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan cần phải hoãn phiên tòa là không đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 1 Điều 343 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 61/QĐKNGĐT-VKS-KDTM ngày 23/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại số 01/2020/QĐ-PT ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với bị đơn là ông Lê Viết Ch – Chủ doanh nghiệp tư nhân Ph.

3. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2019/KDTM-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có hiệu lực pháp luật;

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thành phố P, tỉnh Gia Lai (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng GDKT II và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tự

